

## **ĐỘNG TỪ BẤT QUY TẮC: 56-60**

|                                  |                       |
|----------------------------------|-----------------------|
| 56.overeate-overate-overeaten    | : ăn quá mức          |
| 57.overhear- overheard-overheard | : nghe lén, nghe trộm |
| 58.overpay -overpaid-overpaid    | : trả tiền quá cao    |
| 59. oversee – oversaw-overseen   | : quan sát, trông nom |
| 60.oversell -oversold - oversold | : bán rất chạy        |